

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Thanh N, sinh năm 2003

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ). Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Trung N1, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Trung N1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào cuối năm 2019, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung không hợp, bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2021. Hiện do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trung H, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 4.000.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn là ông Nguyễn Trung N1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Xét cháu Nguyễn Trung H đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân đến nay nên không cần thiết phải xáo

trộn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét con chung của nguyên đơn và bị đơn là con chưa thành niên, bị đơn không trực tiếp nuôi dưỡng nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do các bên không thỏa thuận mức cấp dưỡng, đồng thời không chứng minh được thu nhập và khả năng thực tế của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng bằng một phần hai mức lương tối thiểu vùng IV là: 3.450.000 đồng/tháng $\times \frac{1}{2} = 1.725.000$ đồng/tháng.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn cho rằng các đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có mặt để xác định có tài sản chung, nợ chung hay không, có yêu cầu Tòa án giải quyết hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Trung N1.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Thanh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2021. Buộc ông Nguyễn Trung N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng phải cấp dưỡng số tiền là 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm

hai mươi lăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/9/2025) cho đến khi cháu Nguyễn Trung H đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Thanh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Trung N1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung..

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000177 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, bà Trần Thị Thanh N không phải nộp thêm. Ông Nguyễn Trung N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Tân Bình, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng